

Bản án số: 14/2017/HSST
Ngày: 01/9/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH L
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Thế Khuynh.

*Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thúy.
2. Bà Nguyễn Thị Hương.*

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lục Quỳnh Trâm - Cán bộ Toà án nhân dân huyện V, tỉnh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Lành Đức Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 14/2017/HSST ngày 22 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Nông Văn A; giới tính: Nam; sinh ngày 06 tháng 8 năm 1996; tại xã P, huyện V, tỉnh L; trú tại: Thôn B, xã P, huyện V, tỉnh L; dân tộc: Nùng; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: 9/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông: Nông Văn N, con bà: Hoàng Thị L; Vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Công A huyện Văn Quan từ ngày 09/8/2017 đến nay - Có mặt.

Người bị hại:

Ah Nguyễn Văn C, Sinh năm: 1993.

Ah Nguyễn Văn M, sinh năm 1993;

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. – Có mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nông Văn A bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 07/8/2017 Nông Văn A đi xe ô tô khách từ Bắc Giang về Văn Quan, đến thị trấn V khoảng 17 giờ cùng ngày. A một mình vào nhà nghỉ Thanh Tâm ở phố T, thị trấn V thuê phòng nghỉ, đến khoảng 19 giờ, ngày 08/8/2017 do không có tiền trả nhà nghỉ nên chủ nhà nghỉ không cho A nghỉ và giữ Chứng minh nhân dân, đồ dùng cá nhân của A. Sau khi bị đuổi khỏi nhà nghỉ, A đi lang

thang trên đường và ngủ tại bãi tập kết rác tại đoạn đường cua Cốc Khuất, thuộc phố Đ, thị trấn V. Đến khoảng 01 giờ sáng, ngày 09/8/2017 A đi bộ đến Chi cục Thú Y huyện V, thuộc phố Đ, thị trấn V thì A nhìn thấy có khoảng 04 chiếc xe mô tô đang dựng trong sân Chi cục Thú Y, chỗ công trình xây dựng. A vào dùng tay cầm lắc từng chiếc xe, kiểm tra xem xe nào không có xăng thì A mới lấy. Vì A không biết đi xe mô tô nếu xe có xăng sợ bị nổ máy sẽ bị chủ xe phát hiện. Khi A đến lắc chiếc xe thứ ba là xe nhãn hiệu SUZUKI màu sơn xanh biển kiểm soát: 20L2-2996 thì thấy xe không có xăng nên A đã dắt xe ra cổng và dắt đi theo quốc lộ 1B về hướng phố T, thị trấn V. A dắt xe đi tìm hiệu sửa xe, hiệu cầm đồ để cầm cố hoặc bán xe lấy tiền. Đến khoảng 09 giờ sáng ngày 9/8/2017 khi A đang khởi động xe ở cổng Trường Tiểu học II, phố T, thị trấn V, huyện V, tỉnh L thì bị Công an huyện V phát hiện, bắt quả tang cùng tang vật.

Vật chứng là chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 20L2-2996 của Anh Nguyễn Văn C sinh năm 1993 trú tại xóm L, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện V, ngày 10/8/2017 xác định: Giá trị của chiếc xe tại thời điểm là 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 01/QĐ ngày 22/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo Nông Văn A về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nông Văn A theo tội danh và điều luật đã viện dẫn nêu trên. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ của hành vi, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nông Văn A phạm tội Trộm cắp tài sản, áp dụng: Khoản 1 Điều 138, điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn A từ 06 đến 09 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

Về phần dân sự: Tài sản đã được thu hồi trả cho chủ sở hữu, người bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đề cập giải quyết.

Bị cáo Nông Văn A không có ý kiến tranh luận gì với kết luận của Đại diện Viện kiểm sát và cũng không có ý kiến, đề nghị gì.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa bị cáo Nông Văn A khai nhận hành vi như đã nêu ở trên, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Các chứng cứ đó phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, hành vi, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để xác định bị cáo Nông Văn A thực hiện hành vi như sau:

Khoảng 01 giờ, ngày 09 tháng 8 năm 2017 tại Chi cục thú Y huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nông Văn A đã có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 20L2-2996 của Anh Nguyễn Văn C, Anh Nguyễn Văn M, cùng sinh năm 1993, cùng trú tại xóm L, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên (Sở hữu chung). Khi A đang mang chiếc xe đi tiêu thụ thì bị Công an huyện V bắt quả tang cùng tang vật.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V xác định: Giá trị của chiếc xe tại thời điểm là 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Như vậy hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Nông Văn A đã hoàn thành. Tài sản bị xâm phạm có giá trị đến 2.200.000đ. (Hai triệu hai trăm nghìn đồng). Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Nông Văn A phạm tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật cần chấp nhận.

Bị cáo Nông Văn A là người đã trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nên bị cáo có khả năng nhận thức được việc xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác là vi phạm pháp luật. Chỉ vì mục đích tư lợi cá nhân muốn có tiền ăn tiêu, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, trộm cắp tài sản nhằm mục đích mang đi tiêu thụ để chiếm đoạt..

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác, là một trong các quyền quan trọng được pháp luật bảo vệ, gây bất bình, hoang mang, lo lắng cho nhân dân, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do vậy cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và có tác dụng phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét đến, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tính chất, mức độ: Bị cáo Nông Văn A đã chủ động đi tìm cơ hội, lợi dụng đêm tối, lúc tài sản không có người trông giữ để thực hiện tội phạm.

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên tòa, các bị hại đều đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. nên bị cáo được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở xem xét hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo nhưng có giảm nhẹ một phần hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo tu dưỡng, rèn luyện sớm trở thành công dân tốt, sống có ích cho xã hội, biết tôn trọng pháp luật.

Thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cho bị cáo theo quy định tại Điều 33 Bộ luật Hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo vì Nông Văn A không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, gia đình thuộc diện hộ nghèo.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Người bị hại, anh Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn M đã nhận lại tài sản, người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Về án phí: Bị cáo Nông Văn A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 231 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nông Văn A - Phạm tội: Trộm cắp tài sản.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138, các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo: Nông Văn A 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 09/8/2017.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nông Văn A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ, (Hai trăm nghìn đồng) sung công quỹ nhà nước.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện V;
- Công A huyện V;
- CCTHA dân sự huyện V;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thế Khuynh

